

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**QUẬN PHÚ X THÀNH PHỐ H** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2025/HNGĐ- ST

Ngày: 14 - 5 - 2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ X, THÀNH PHỐ H**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Lê Tuyết Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Trọng M Thông.

2. Ông Huỳnh Văn Đạm.

*Thư ký phiên toà:* Bà Huỳnh Thị Thanh Thúy - Thư ký Toà án nhân dân quận Phú X, thành phố H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú X, thành phố H tham gia phiên toà:* Bà Đoàn Thị Thuỳ Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Phú X (Địa chỉ: 394 Đinh Tiên H, phường Thuận L, quận Phú X, thành phố H) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1985.

Nơi thường trú: 184 Phan Đăng L, phường Đông B, quận Phú X, thành phố H. Chỗ ở hiện nay: Tổ 6, Xóm 1 đường Võ Tử Th, phường Phú Th, quận Thuận H, thành phố H. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Anh Võ Văn M; sinh năm: 1985.

Nơi cư trú: 184 Phan Đăng L, phường Đông B, quận Phú X, thành phố H. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 13/9/2024 và quá trình tham gia tố tụng chị H trình bày cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh M kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện sau thời gian tìm hiểu được gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục cổ

truyền năm 2014 và đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND phường Thuận Th, thành phố H (nay là phường Đông B, quận Phú X, thành phố H) ngày 01/10/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở phường Đông B. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh M không quyết đoán, phụ thuộc vào người khác, thường xuyên nhậu nhẹt dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi vã, anh M dùng lời lẽ khiến chị tổn thương, cảm thấy không an toàn khi sống chung. Chị đã nhiều lần tha thứ nhưng anh M không thay đổi, đỉnh điểm đến tháng 4 năm 2024 anh M có đánh chị nên chị đã đưa con về nhà cha mẹ chị để sống cho đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau và chị không còn tình cảm với anh M nữa. Vì vậy, chị xin được ly hôn với anh M để ổn định cuộc sống.

- Về nuôi con chung: Chị H xác nhận vợ chồng chung sống có 02 con chung là cháu Võ Thiện Nh sinh ngày 27/10/2014 và Võ Thiện Đ, sinh ngày 24/6/2021. Khi ly hôn chị xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến trưởng thành (đủ 18 tuổi) vì các cháu đang còn nhỏ và từ trước đến nay đều do chị chăm sóc, chị đang có chỗ ở tại nhà cha mẹ chị, có công việc làm đầu bếp thu nhập ổn định mỗi tháng 7.500.000 đồng nên chị đảm bảo việc nuôi con sẽ tốt hơn và nguyện vọng của cháu Nhân muốn ở với chị. Chị yêu cầu anh Võ Văn M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi các cháu trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến trình bày của anh M: Quá trình kết hôn và chung sống vợ chồng như chị H trình bày là hoàn toàn đúng. Anh M xác nhận trước đây anh thiếu sự quan tâm đến vợ con, vào tháng 4 năm 2024, trong lúc cãi vã, anh có đánh chị H và chị H đã đưa con về nhà cha mẹ sống cho đến nay, anh đã nhiều lần tìm cách hoà giải, đoàn tụ vợ chồng nhưng chị H không cho anh cơ hội, mặc dù chị H cương quyết ly hôn, nhưng vì các con nên anh không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên toà anh thừa nhận vợ chồng không tình cảm, một mình anh cố gắng níu kéo cuộc hôn nhân này cũng không đem lại kết quả tốt đẹp nên anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung như chị H trình bày. Nếu ly hôn xảy ra anh M yêu cầu trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Võ Thiện Nh đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), giao cháu Võ Thiện Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành, không ai phải cấp dưỡng nuôi con vì các cháu đang học tại trường gần nhà anh nên anh và mẹ anh đưa đón đi học, chị H do công việc đi sớm về muộn nên không có thời gian để đưa đón các con, hiện nay công việc của anh làm đo đạc tư nhân, thu nhập mỗi tháng khoảng 6.500.000 đồng. Nhưng tại phiên toà anh tự nguyện giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành và anh không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi 02 con theo yêu cầu của chị H.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú X phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh M.

- Về nuôi con chung: Giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Võ Thiện Nh và Võ Thiện Đ đến trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự. Anh M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự:

[1] Về tố tụng: Chị H xin ly hôn anh M cư trú tại phường Đông Ba, quận Phú X, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú X theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Thuận Th, thành phố H (nay là phường Đông B, quận Phú X, thành phố H) ngày 01/10/2014 nên hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, chia sẻ cho nhau, anh M thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, vào tháng 4 năm 2024 do gây gổ nên anh có đánh chị H, chị H đưa các con về nhà cha mẹ của chị H để ở, từ đó đến nay vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi không quan tâm đến nhau, nên chị H không còn tình cảm

vợ chồng với anh M. Tại phiên toà anh M nhận thấy chị H cương quyết xin ly hôn nên việc anh níu kéo cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc vợ chồng nên anh cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H, anh M mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu ly hôn anh M là có đủ căn cứ chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Chị H có nguyện vọng xin trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Võ Thiện Nh và Võ Thiện Đ cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Phía anh M cũng có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Võ Thiện Nh đến trưởng thành, giao cháu Võ Thiện Đ cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến trưởng thành. Nhưng tại phiên toà anh đồng ý giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H hiện nay có chỗ ở, có việc làm và thu nhập ổn định mỗi tháng 7.500.000 đồng, anh M cũng đồng ý giao 02 con cho chị nuôi dưỡng và cháu Nhân cũng có nguyện vọng muốn ở với chị. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc giao cả hai con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật và bảo đảm cho sự phát triển về thể chất và tinh thần của các con.

Chị H yêu cầu anh M cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi 02 cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Mặc dù phía anh M không đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung, nhưng căn cứ vào thu nhập thực tế của anh M ổn định mỗi tháng 6.500.000 đồng và nhu cầu thiết yếu của 02 con, nên Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng mà chị H yêu cầu là phù hợp nên cần được chấp nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh M xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Chị H phải chịu 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh M phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Võ Văn M.

- Về nuôi con chung: Giao cả hai con chung cháu Võ Thiện Nh, sinh ngày 27/10/2014 và Võ Thiện Đ, sinh ngày 24/6/2021 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Buộc anh Võ Văn M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung cháu Võ Thiện Nh và Võ Thiện Đ mỗi cháu 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nhân và cháu Đức trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Võ Văn M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001034 ngày 17/01/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú X, thành phố H.

Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Võ Văn M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ 300.000 đồng.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT H;
- VKSND quận Phú X;
- Chi cục THADS quận Phú X;
- UBND phường Đông B, quận Phú X;  
(ĐKKH ngày 01/10/2014).
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lê Tuyết Linh**